

BẢN TIN TUẦN

**DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC VÀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG NƯỚC, PHỤC VỤ
CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CẤP NƯỚC CHO SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP**

Lưu vực sông Lam và vùng phụ cận - Tỉnh Nghệ An

(Tuần từ 05/06/2020 – 11/6/2020)

I. TÌNH HÌNH NGUỒN NƯỚC

1. Lượng mưa

TT	Trạm	Lượng mưa thực đo từ 29/06 đến 03/06/2020 (mm)	Lượng mưa thực đo từ 01/01 đến 03/06/2020 (mm)	So sánh lượng mưa lũy tích cùng thời đoạn (%)				Lượng mưa dự báo tuần tới (mm)
				TBNN	2015	2018	2019	
1	Vinh	0,0	585,7	+63	+61	+148	+46	0,4
2	Đô Lương	1,0	334,4	-7	-10	+18	+9	0,2
3	Cửa Rào	7,0	274,6	-12	+104	-50	-27	2,0
4	Tây Hiếu	0,0	290,3	-4	+85	-29	+106	0,1
5	Nam Đàn	0,0	378,0	+25	+35	+38	+93	0,1
6	Quý Châu	1,0	472,9	+21	+111	-4	+55	0,3
7	Quỳnh Lưu	0,0	349,8	+46	+80	+8	+46	0,2
8	Quý Hợp	0,0	347,8	-9	+84	-36	+10	0,3
9	Mường Xén	7,0	255,0	-12	+23	-7	+88	9,4
10	Nghĩa Khánh	0,0	373,0	+27	+50	+49	+74	0,0
Trung Bình		1,6	366,2	+14	+62	+14	+50	1,3

Nhận xét:

- Lượng mưa trong tuần từ 29/05 đến 7h, 03/06/2020 phổ biến từ 0-7 mm
- Lượng mưa lũy tích 01/01/2020 đến 07h,03/06/2020 phổ biến từ 255-585,7 m
- Lượng mưa lũy tích 01/01/2020 đến 07h,03/06/2020:
 - + Tại trạm Vinh cao hơn TBNN cùng kỳ khoảng 63%
 - + Tại trạm Đô Lương thấp hơn TBNN cùng kỳ khoảng 7%
 - + Tại trạm Cửa Rào thấp hơn TBNN cùng kỳ khoảng 12%

- + Tại trạm Tây Hiếu thấp hơn TBNN cùng kỳ khoảng 4%
- + Tại trạm Nam Đàn cao hơn TBNN cùng kỳ khoảng 25%
- + Tại trạm Quỳnh Châu cao hơn TBNN cùng kỳ khoảng 21%
- + Tại trạm Quỳnh Lưu cao hơn TBNN cùng kỳ khoảng 46%
- + Tại trạm Quỳnh Hợp thấp hơn TBNN cùng kỳ khoảng 9%
- + Tại trạm Mường Xén thấp hơn TBNN cùng kỳ khoảng 12%
- + Tại trạm Nghĩa Khánh cao hơn TBNN cùng kỳ khoảng 27%

2. Nguồn nước trong các công trình thủy lợi, thủy điện

a) Nguồn nước trừ các hồ chứa thủy lợi

TT	Tên công trình	Thiết kế (triệu m ³)		Hiện tại (%)		So sánh với cùng kỳ (+/-%)				Dự báo xu thế nguồn nước
		Wtb	Whi	Wtb	Whi	TBNN	2015	2018	2019	
1	Cửa Ông	2,1	2,1	58	58	+4	+11	+6	+2	Giảm
2	Khe Gõ	5,4	5,2	44	41	+17	+40	+12	+9	Giảm
3	Lách Bưởi	2,1	2,1	59	59	+24	+49	+15	+12	Giảm
4	Khe Làng	3,1	2,9	49	45	+9	+27	+1	+6	Giảm
5	Nghi Công	2,6	2,4	85	83	+30	+22	+45	+37	Tăng
6	Khe Xiêm	3,2	3,1	55	54	+25	+42	+21	+25	Giảm
7	Khe Thị	2,7	2,5	70	69	+25	+55	+10	+26	Giảm
8	Bàu Gia	3,8	3,6	50	47	+1	-2	-3	+6	Giảm
9	Xuân Dương	9,3	9,0	70	69	+13	+21	+15	+16	Giảm
10	Kẻ Sắt	3,0	2,9	7	2	-34	-42	-33	-38	Tăng
11	Nhà Trò	4,7	4,4	75	73	+6	-	-3	-1	Giảm
12	Đồn Húng	4,4	4,0	11	3	-41	-41	-47	-47	Giảm
13	Quản Hải	5,3	4,8	52	47	-3	-2	-8	-0	Giảm
14	Vệ Vùng	18,4	17,2	29	24	-26	-23	-36	-32	Giảm
15	Mả Tổ	6,5	6,1	50	47	+1	-2	-3	+6	Giảm
16	3/2	4,7	4,2	66	62	-5	-34	-5	+1	Giảm
17	Bà Tuyền	5,5	5,1	42	38	-6	-	-10	-13	Giảm
18	Vực Mầu	75,0	63,5	64	57	+10	+19	+19	+8	Tăng
19	Bàu Đá	3,9	3,7	51	48	+10	+13	+12	+11	Giảm
20	Cầu Cau	2,9	2,5	76	72	-12	-11	-5	-15	Tăng
21	Khe Nậy	2,0	1,9	21	19	-4	+5	-22	+5	Tăng
22	Cao Càng	1,6	1,6	100	100	+31	+59	+21	+70	Tăng
23	Khe Là	2,5	1,9	94	92	+6	-6	0	+19	Tăng
24	Khe Đá	16,6	16,6	57	57	+13	+24	+2	+13	Tăng
25	Khe Canh	4,2	4,2	68	68	+19	+46	+10	+11	Giảm
26	Sông Sào	51,4	39,9	90	87	+2	+18	-5	+4	Tăng
NGHỆ AN		246,8	217,2	63	59	+4	+15	+3	+3	

Nhận xét:

Dung tích trữ hiện tại của các hồ chứa đạt 63% so với dung tích thiết kế, cao hơn 4% so với TBNN, 3% so với năm 2019, 3% so với năm 2018 và 15% so với năm 2015 cùng thời kỳ. Hiện tại, trên lưu vực sông Lam có hồ Cao Cang đang đầy nước.

Dự báo xu thế nguồn nước cuối vụ Hè Thu 2020 của các hồ có 9/26 có xu thế tăng, 17/26 có xu thế giảm so với cùng kỳ năm 2019. Dự báo dung tích cuối vụ Hè thu 2020 của các hồ đạt 68% dung tích hữu ích thiết kế.

b) Nguồn nước trữ tại các hồ chứa thủy điện tham gia bổ sung nước cho hạ du

Tên công trình	Dung tích trữ thiết kế (triệu m ³)		Dung tích trữ hiện tại so với thiết kế (%)		So sánh với cùng kỳ (+/-%)				Dự báo xu thế nguồn nước	Lượng nước bổ sung cho hạ du (m ³ /s)
	Wtb	Whi	Wtb	Whi	TBNN	Năm 2015	Năm 2018	Năm 2019		
Bản Vẽ	1834,6	1383	51,9	36,1	+5,9	+18,9	+4,1	+7,7	Giảm	109,4
T,Bình	1834,6	1383								

Nhận xét:

- Dung tích hồ Bản Vẽ hiện có cao hơn 5,9% so với TBNN, 7,7% so với năm 2019, 4,1% so với năm 2018, 18,9% so với năm 2015 cùng thời kỳ.

- Theo văn bản số 2572/BTNMT-TNN của Bộ TNMT về việc vận hành hồ chứa từ nay đến hết mùa cạn năm 2020, hồ Bản Vẽ vận hành bảo đảm tổng lưu lượng xả trung bình ngày không nhỏ hơn 110m³/s. Dự báo, lưu lượng đến hồ trung bình từ nay đến hết mùa cạn đạt 23-29m³/s, với lưu lượng xả theo văn bản 2572/BTNMT-TNN thì dự báo dung tích cuối mùa cạn hồ Bản Vẽ đạt 609 triệu m³ (tương đương 33% dung tích thiết kế).

II. KHẢ NĂNG CẤP NƯỚC CỦA CÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI VÀ NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH HẠN HÁN

2.1. Khả năng cấp nước của công trình thủy lợi

Tính từ ngày 05/06/2020 đến hết vụ Hè thu 2020, tổng nhu cầu nước của 26 công trình hồ đập phụ trách trên lưu vực sông Lam và vùng phụ cận là 75,6 triệu m³

Căn cứ theo dung tích hiện tại của các hồ chứa trên lưu vực sông Lam, dự báo mưa trong các tháng tiếp theo và nhu cầu sử dụng nước của từng công trình, kết quả tính toán cho thấy: có 21/26 hồ trên lưu vực sông Lam và vùng phụ cận đáp ứng đủ nhu cầu nước trong vụ Hè thu 2020, 5/26 hồ có khả năng không đáp ứng đủ nước tưới bao gồm Bàu Gia, Kẽ Sặt, Đồn Húng, Bàu Đá, Khe Nậy.

Kết quả tính toán cân bằng nước và dự báo khả năng đáp ứng nguồn nước phục vụ kế hoạch sản xuất vụ Hè thu năm 2020 trên lưu vực Sông Lam và phụ cận được thể hiện dưới bảng sau:



TT	Tên công trình	Wtb hiện tại (triệu m ³)	Nhiệm vụ sản xuất (ha)	Dự báo vụ Hè thu 2020				Ghi chú
				Whi hiện có (%)	Khả năng đáp ứng (%)	Diện tích đáp ứng (ha)	Whi cuối vụ (%)	
1	Cửa Ông	1,2	82,5	58	100	82,5	45	Đủ nước
2	Khe Gõ	2,4	239	41	100	239,0	25	Đủ nước
3	Lách Bưởi	1,2	179	59	100	179,0	23	Đủ nước
4	Khe Làng	1,5	193,2	45	100	193,2	20	Đủ nước
5	Nghi Công	2,2	48,2	83	100	48,2	100	Đủ nước
6	Khe Xiêm	1,8	186	54	100	186,0	32	Đủ nước
7	Khe Thị	1,9	223	69	100	223,0	29	Đủ nước
8	Bàu Gia	1,9	292,9	47	83	243,1	9	Thiếu nước
9	Xuân Dương	6,6	520,8	69	100	520,8	39	Đủ nước
10	Kê Sắt	0,2	187,1	2	17	31,8	22	Thiếu nước
11	Nhà Trò	3,5	158,02	73	100	158,0	56	Đủ nước
12	Đồn Húng	0,5	200,36	3	42	84,2	21	Thiếu nước
13	Quản Hải	2,8	354,97	47	100	355,0	59	Đủ nước
14	Vệ Vòng	5,3	554	24	100	554,0	29	Đủ nước
15	Mả Tổ	3,2	398,3	47	100	398,3	13	Nguy cơ thiếu
16	3/2	3,1	353,6	62	100	353,6	29	Đủ nước
17	Bà Tuyền	2,3	145,5	38	100	145,5	29	Đủ nước
18	Vực Mầu	47,8	1670	57	100	1670,0	90	Đủ nước
19	Bàu Đá	1,9	371,9	48	63	234,3	8	Thiếu nước
20	Cầu Cau	2,2	212,4	72	100	212,4	100	Đủ nước
21	Khe Nậy	0,4	275,6	19	52	143,3	29	Thiếu nước
22	Cao Cang	1,6	243,2	100	100	243,2	100	Đủ nước
23	Khe Là	2,3	112,8	92	100	112,8	100	Đủ nước
24	Khe Đá	9,5	545,7	57	100	545,7	85	Đủ nước
25	Khe Canh	2,8	248,6	68	100	248,6	90	Đủ nước
26	Sông Sào	46,3	1763	87	100	1763,0	99	Đủ nước
NGHỆ AN		156,7	9759,7	59		9168,5	68	

2.2. Mức độ rủi ro hạn ở các vùng ngoài công trình thủy lợi

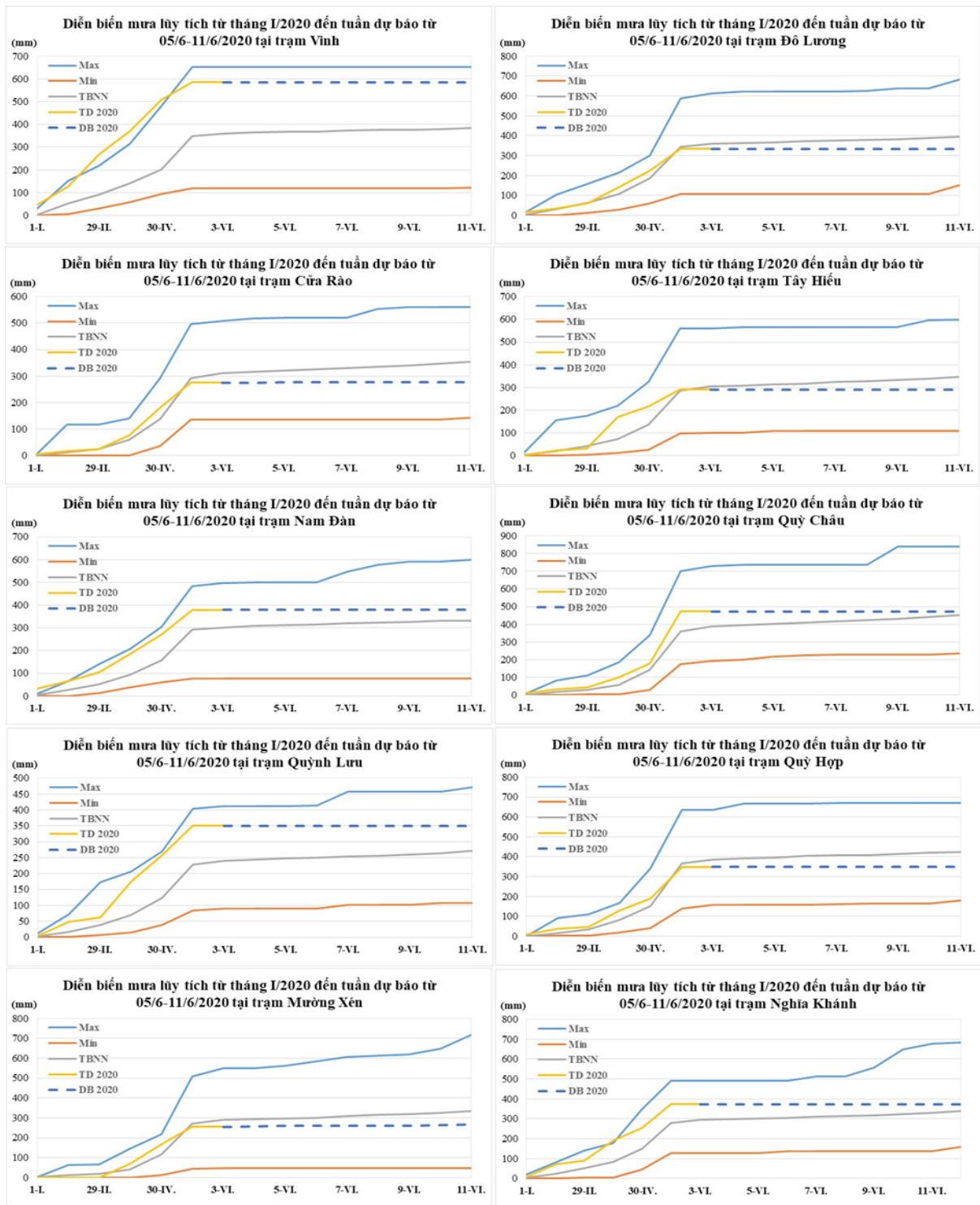
TT	Tên trạm	Vùng	Lượng mưa lũy tích từ 01/01/2020 đến ngày 11/06/2020 (mm)	So sánh lượng mưa cùng thời đoạn (%)			Khuyến cáo
				Năm Min	Năm TB	Năm Max	
1	Vinh	Vinh	586,1	+387	+53	-10	Rủi ro hạn
2	Đô Lương	Đô Lương	334,6	+120	-15	-51	Rủi ro hạn
3	Cửa Rào	Cửa Rào	277,1	+93	-22	-51	Rủi ro hạn
4	Tây Hiếu	Tây Hiếu	290,4	+166	-16	-51	Rủi ro hạn
5	Nam Đàn	Nam Đàn	378,3	+394	+14	-37	Rủi ro hạn
6	Quý Châu	Quý Châu	473,2	+102	+5	-44	Rủi ro hạn



TT	Tên trạm	Vùng	Lượng mưa lũy tích từ 01/01/2020 đến ngày 11/06/2020 (mm)	So sánh lượng mưa cùng thời đoạn (%)			Khuyến cáo
				Năm Min	Năm TB	Năm Max	
7	Quỳnh Lưu	Quỳnh Lưu	350,1	+228	+29	-26	Rủi ro hạn
8	Quỳ Hợp	Quỳ Hợp	348,2	+92	-18	-48	Rủi ro hạn
9	Mường Xén	Mường Xén	266,9	+456	-20	-63	Rủi ro hạn
10	Nghĩa Khánh	Nghĩa Khánh	373,0	+171	+13	-45	Rủi ro hạn

Nhận xét và khuyến cáo:

- Lượng mưa dự báo từ ngày 05/06 đến 11/06/2020 trong vùng phổ biến từ 0-9 mm.
- Tổng lượng mưa trong vùng từ ngày 01/01 đến nay và dự báo cho thấy:
 - + Tại trạm Vinh cao hơn TBNN cùng kỳ khoảng 53%
 - + Tại trạm Đô Lương thấp hơn TBNN cùng kỳ khoảng 15%
 - + Tại trạm Cửa Rào thấp hơn TBNN cùng kỳ khoảng 22%
 - + Tại trạm Tây Hiếu thấp hơn TBNN cùng kỳ khoảng 16%
 - + Tại trạm Nam Đàn cao hơn TBNN cùng kỳ khoảng 14%
 - + Tại trạm Quỳ Châu cao hơn TBNN cùng kỳ khoảng 5%
 - + Tại trạm Quỳnh Lưu cao hơn TBNN cùng kỳ khoảng 29%
 - + Tại trạm Quỳ Hợp thấp hơn TBNN cùng kỳ khoảng 18%
 - + Tại trạm Mường Xén thấp hơn TBNN cùng kỳ khoảng 20%
 - + Tại trạm Nghĩa Khánh cao hơn TBNN cùng kỳ khoảng 13%



Hình 1: Dự báo lượng mưa tại một số trạm đại diện lưu vực sông Lam – tỉnh Nghệ An

Ghi chú:

Năm TB: Lượng mưa trung bình nhiều năm

Năm min: Lượng mưa nhỏ nhất nhiều năm

Năm max: Lượng mưa lớn nhất nhiều năm

TD 2019: Lượng mưa thực đo năm 2019-2020

DB 2020: Lượng mưa dự báo năm 2020

2.3. Tổng hợp thông tin hạn hán (nếu có)

TT	Tỉnh	Diện tích gieo trồng toàn tỉnh (ha)				Diện tích chuyển đổi (ha)	Diện tích không canh tác (ha)	Diện tích mất trắng (ha)	Diện tích cây trồng bị ảnh hưởng, hạn hán, xâm nhập mặn (ha)		
		Tổng cộng	Lúa	Cây hàng năm	Cây lâu năm				Lúc cao nhất	Hiện tại	(tăng/giảm)
1	Nghệ An	119.400	90.000	29.400	-	-	-	-	-	-	
	Cộng										

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

- Hiện nay trên địa bàn tỉnh Nghệ An đã gieo trồng được 42.217ha/119.400ha, đạt tỷ lệ 35% so với kế hoạch, trong đó diện tích lúa hè thu gieo trồng được 34.266ha/90.000ha (trong đó có 12.959ha cấy và 21.307ha gieo thẳng).

- Từ ngày 29/5 đến ngày 3/6/2020, trên địa bàn tỉnh Nghệ An chủ yếu không có mưa và một số nơi có mưa nhỏ. Tổng lượng mưa thực đo từ ngày 29/5 đến ngày 3/6 trong vùng đạt từ 0 ÷ 7mm, với lượng mưa lớn nhất tại trạm Cửa Rào và Mường Xén chỉ đạt 7mm. Do mưa ít, nắng nóng kéo dài, gió tây nam thổi mạnh, nguồn nước các hồ đập đã cạn, nước sông Cẩm đã bị nhiễm mặn vào đến cầu N5 Nghi Thuận nên bước đầu đã xuất hiện tình trạng hạn hán, thiếu nước như sau:

+ Diện tích Lúa đã sản xuất đang bị hạn: 1.660 ha tập trung tại các xã: Nghi Lâm, Nghi Văn, Nghi Mỹ, Nghi Công Nam, Nghi Hưng, Nghi Long, Nghi Đồng, Nghi Diên, Nghi Vạn...

+ Diện tích Lúa do hạn không thể sản xuất được (nếu không có nước bổ sung): 750 ha tập trung tại các xã: Nghi Thuận, Nghi Long, Nghi Xá, Nghi Phương, Nghi Mỹ, Nghi Trung...

+ Diện tích Ngô, màu các loại bị hạn là 120 ha;

- Hiện tại, dung tích trung bình các hồ chứa thủy lợi vừa và lớn trên địa bàn tỉnh Nghệ An đạt 63,5% dung tích thiết kế. Một số hồ trên địa bàn tỉnh Nghệ An có dung tích trữ thấp gồm Kẻ Sặt 7%, Đồn Húng 11,4%, Vệ Vừng 28,8%, Khe Nậy 21,5%. Theo kết quả tính toán dự báo nguồn nước cho các hồ chứa trên địa bàn tỉnh Nghệ An, trong vụ Hè Thu 2019 có 21/26 hồ bảo đảm cấp đủ nước cho sản xuất nông nghiệp, 5 hồ có khả năng không đáp ứng đủ nước tưới bao gồm Bàu Gia, Kẻ Sặt, Đồn Húng, Bàu Đá, Khe Nậy. Trong đó có hồ Kẻ Sặt, Đồn Húng ở huyện Yên Thành đang trong giai đoạn nâng cấp sửa chữa nên có khả năng thiếu nước từ giữa tháng 6; hồ Khe Nậy ở huyện Anh Sơn có khả năng thiếu nước trong giai đoạn đầu tháng 7, hồ Bàu Gia, Bàu Đá có khả năng thiếu nước trong giai đoạn giữa tháng 8.

Để có thể đáp ứng tốt nguồn nước cho cả vụ Hè Thu năm 2020 và đề phòng những tháng nhiệt độ tăng cao, tổn thất bốc thoát hơi nước lớn, các địa phương và công ty khai thác công trình thủy lợi tỉnh Nghệ An cần chủ động tích nước khi có mưa, thực hiện các

biện pháp tưới tiết kiệm nước, tưới luân phiên giữa các vùng trong hệ thống và tưới luân phiên giữa các công trình trong vùng, thực hiện các biện pháp ngăn không để mặn xâm nhập sâu vào nội đồng, kiểm tra chặt chẽ chất lượng nước không để nhiễm mặn xảy ra, đồng thời tiếp tục theo dõi, cập nhật tình hình nguồn nước, khí tượng, thủy văn để có kế hoạch sử dụng nước hợp lý, hiệu quả.

Bản tin tuần tiếp theo sẽ được phát hành vào ngày 11/6/2020.

Nơi nhận:

VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI

- Tổng cục Thủy lợi;
- Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Nghệ An
- Chi cục Thủy lợi tỉnh Nghệ An
- Công ty TNHH MTV khai thác CTTL Bắc Nghệ An
- Công ty TNHH MTV khai thác CTTL Nam Nghệ An
- Lưu Viện Quy hoạch Thủy lợi;

